ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 630 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về Khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ Tài chính - Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang thông qua Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/NQ- HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 518/TTr-TNMT ngày 17/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Bảng số 5 - Đất ở tại đô thị, ven trục đường giao thông

a) Đổi tên các thị trấn thuộc các huyện

- Thị trấn Cầu Gồ thành thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế;

- Thị trấn Thanh Sơn thành thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động;

- Thị trấn Neo thành thị trấn Nham Biền; thị trấn Tân Dân thành thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng;

- Thị trấn Lục Nam, thành thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

b) Đổi tên các xã sáp nhập vào thị trấn thuộc các huyện

- Xã Đức Thắng thành thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa;

- Xã Bích Sơn thành thị trấn Bích Động; xã Hoàng Ninh thành thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên;

- Xã Bố Hạ thành thị trấn Bố Hạ; xã Phồn Xương thành thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế;

- Xã Nhã Nam thành thị trấn Nhã Nam; xã Cao Thượng thành thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên;

- Xã Tân Thịnh thành thị trấn Kép; xã Phi Mô thành thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang;

- Xã Tiên Hưng thành thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam;

- Xã Nghĩa Hồ thành thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn;

- Xã An Châu thành thị trấn An Châu; xã Tuấn Mậu thành thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động.

- Xã Tân An thành thị trấn Tân An; xã Thắng Cương và xã Nham Sơn thành thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng.

2. Sửa đổi, bổ sung Bảng số 6 - Đất ở tại nông thôn của các huyện

a) Bỏ tên các xã đã được sáp nhập vào các thị trấn và các xã sáp nhập để hình thành xã mới, cụ thể:

- Xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa;

- Xã Bích Sơn và xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên;

- Xã Bố Hạ và xã Phồn Xương, huyện Yên Thế;

- Xã Nhã Nam và xã Cao Thượng, huyện Tân Yên;

- Xã Tân Thịnh và xã Phi Mô, huyện Lạng Giang;

- Xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam;

- Xã Nghĩa Hồ, huyện Lục Ngạn;

- Xã An Châu, xã Phúc Thắng, xã Vĩnh Khương, xã Thạch Sơn, xã Bồng Am, xã Chiên Sơn, xã Quế Sơn, xã Tuấn Mậu, xã An Lập, huyện Sơn Động;

- Xã Tân An, xã Thắng Cương, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng.

b) Bổ sung tên các xã sáp nhập để hình thành xã mới, cụ thể:

- Xã Phúc Sơn gồm xã Thạch Sơn (nhóm C) và xã Phúc Thắng (nhóm C), xã Phúc Sơn sau khi sáp nhập thuộc xã Nhóm C;

- Xã Vĩnh An gồm xã Vĩnh Khương (nhóm C) và xã An Lập (nhóm A), xã Vĩnh An sau khi sáp nhập thuộc xã nhóm A;

- Xã Tuấn Đạo gồm xã Bồng Am (nhóm C) và xã Tuấn Đạo (nhóm A), xã Tuấn Đạo sau khi sáp nhập thuộc xã nhóm B;

- Xã Đại Sơn gồm xã Chiên Sơn (nhóm C) và xã Quế Sơn (nhóm B), xã Đại Sơn sau khi sáp nhập thuộc xã nhóm C.

3. Bổ sung Bảng số 5A: Đất ở đô thị tại các tổ dân phố (thuộc các thôn của các xã sáp nhập vào thị trấn)

TT	Tên đường, vị trí	Giá đất (1.000 đồng/m2)		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa (đối với các thôn trước đây thuộc xã Đức Thắng)	1.260	1.050	810
2	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên (đối với các thôn trước đây thuộc xã Bích Sơn)	1.500	1.100	950
3	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên (đối với các thôn trước đây thuộc xã Hoàng Ninh)	1.500	1.000	950
4	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế (đối với các thôn, bản trước đây thuộc xã Phồn Xương)	1.200	850	650
5	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế (đối với các thôn, bản trước đây thuộc xã Bố Hạ)	1.000	800	640
6	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên (đối với các thôn trước đây thuộc xã Cao Thượng)	1.300	1.000	750
7	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên (đối với các thôn trước đây thuộc xã Nhã Nam)	1.170	900	650
8	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn An Châu, huyện Sơn Động (đối với các thôn, bản trước đây thuộc xã An Châu)	800	700	500

TT	Tên đường, vị trí	Giá đất (1.000 đồng/m2)		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
9	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động (đối với các thôn, bản trước đây thuộc xã Tuấn Mậu)	600	400	
10	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn (đối với các thôn, bản trước đây thuộc xã Nghĩa Hồ)	1.100	820	590
11	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam (đối với các thôn trước đây thuộc xã Tiên Hưng)	1.100	900	720
12	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang (đối với các thôn trước đây thuộc xã Phi Mô)	1.200	920	660
13	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Kép, huyện Lạng Giang (đối với các thôn trước đây thuộc xã Tân Thịnh)	1.200	850	700
14	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng (đối với các thôn trước đây thuộc xã Nham Sơn)	1.800	1.200	800
15	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng (đối với các thôn trước đây thuộc xã Thắng Cương)	1.000	700	400
16	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng (đối với các thôn trước đây thuộc xã Tân An)	1.800	1.200	800

4. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác tại Bảng số 5

a) Tại thành phố Bắc Giang

Đổi tên "Đường Nguyễn Bỉnh Kiêm" thành "Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm".

Bổ sung đoạn: Đường Lê Lợi- đoạn từ ngã ba Kế đến Quốc lộ 1A: Vị trí 1: 20.000.000 đồng/m^2; vị trí 2: 7.000.000 đồng/m^2; vị trí 3: 3.000.000 đồng/m^2.

b) Huyện Việt Yên

Bổ sung: Khu dân cư Phúc Ninh: 3.500.000 đồng/m^2.

Sửa đổi: Đoạn từ Phúc Lâm (giáp Thị trấn Nếnh) đến lối rẽ vào cổng làng Phúc Lâm giá đất vị trí 2: 5.400.000 đồng/m^2; vị trí 3: 3.400.000 đồng /m^2.

Sửa đổi: đường Dương Quốc Cơ, địa phận thị trấn Bích Động: vị trí 3: 1.800.000 đồng/m^2.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024.

2. Việc áp dụng đối với các trường hợp phát sinh tại địa bàn các đơn vị hành chính cấp xã có tên tại Điều 1, cụ thể như sau:

a) Các trường hợp phát sinh kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 29/02/2020 thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh;

b) Các trường hợp phát sinh kể từ ngày 01/3/2020 thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung: Thực hiện theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng CP, Website CP;
- Bộ Tài chính (2b) | B/cáo
- Bộ TN&MT (2b);
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐĐBQH;
- Ban KTNS, Văn phòng HĐND tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ và các đoàn thể ND tỉnh;
- TT. HĐND huyện, thành phố;
- Cục Thống kê, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- LĐVP, các phòng chuyên viên nghiên cứu, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, TPKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

UBND Tỉnh Bắc Giang
Giờ ký: 20/07/2020 16:52:09

Lại Thanh Sơn